TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 79/2025/DS-ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2025
V/v "Tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Trương Thị Hồng Thuỷ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Nam
Ông Phạm Thuận
Thư ký phiên tòa: Bà Lương Lê Ngọc Linh - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 3, Đà Nẵng.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trúc Lâm – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc "*Tranh chấp chia di sản thừa kế*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST - DS ngày 29 tháng 8 năm 2025; Quyết định tạm ngừng phiên toà số 16/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa:

***** *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị H** – sinh năm 1955; Địa chỉ: Số A L, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là, phường H, thành phố Đà Nẵng). Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mai Duy P – sinh năm: 1984 và ông Mai Quốc V – sinh năm: 1994; Địa chỉ liên hệ: H N, phường H, thành phố Đà Nẵng, Có mặt.

***** *Bị đơn*: Ông **Trương Đình P1** – sinh năm 1958; Địa chỉ: K T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng). Vắng mặt.

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

- Bà **Nguyễn Thị Y** – sinh năm 1961 và ông **Trương Diên T3** – sinh năm 1986; Địa chỉ: Khối G, phường Đ, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
- Ông **Trương Diên H1** – sinh năm 1979; Địa chỉ: K T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng). Vắng mặt.

- Bà **Trương Thị Minh T** – sinh năm 1991; Địa địa chỉ: B N, quận C, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ liên hê: A H, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà **Phạm Thị Thu T1**; Địa chỉ: K T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị H và người đại diện theo uỷ quyền của bà H trình bày:

Cha tôi là ông Trương Đình B, sinh năm không rõ, mất năm 1997 và mẹ tôi là bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1923, mất năm 2001. Quá trình chung sống, cha mẹ tôi có 03 người con gồm: Ông Trương Đình H2, sinh năm 1951, mất năm 2014, bà Trương Thị H, sinh năm 1955; ông Trương Đình P1, sinh năm 1958. Ngoài ra, cha mẹ tôi không có con nuôi hay người con nào khác. Ông Trương Đình H2 lúc sinh thời có vợ là bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1961 và có 02 con chung với bà Y là Trương Diên T3, sinh năm 1986 và Trương Thị Minh T, sinh năm 1991; trước đây có kết hôn với bà Nguyễn Thị G nhưng đã ly hôn và sinh ra con Trương Diên H1, sinh năm 1979.

Sinh thời cha mẹ tôi tạo dựng được khối tài sản chung là ngôi nhà và đất có diện tích đất 101.3m^2 tại số K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng (cũ) theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3402041375 UND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/7/2000.

Cha tôi là ông Trương Đình B mất ngày 22/01/1997, mẹ tôi là bà Nguyễn Thị T2 mất ngày 10/9/2001 đều không để lại di chúc.

Vì không thống nhất được việc phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật và đề nghị chia theo nội dung sau: Phần diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ởsố 3402044375 được uỷ ban nhân dân thành phố cấp ngày 24/7/2000 có diện tích đất còn lại là 101.3 m^2 tại địa chỉ K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng (cũ) cho những người thừa kế của cha mẹ tôi là tôi, ông Trương Đình P1, những người thừa kế theo pháp luật của ông Trương Đình H2 là bà Nguyễn Thị Y, ông Trương Diện H3, Trương Diên T3, Trương Thị Minh T, cha mẹ của ông Trương Đình B và bà Nguyễn Thị T2 đã chết trước khi ông bà chết. Giá trị di sản thừa thế theo kết quả thẩm định giá: 3.275.963.416. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, tôi xin nhận bằng hiện vật cho các đồng thừa kế như sau: 101.3 m^2/3phần = 33.76 m^2. Tuy nhiên, nay tôi yêu cầu Toà án chia thừa kế theo quy định pháp luật và giao nhà, đất trên cho ông Trương Đình P1 và ông P1 có nghĩa vụ thối trả tiền cho các thừa kế theo quy định.

Hiện nay nhà và đất nói trên do ông Trương Đình P1, bà Phạm Thị Thu T1 đang quản lý, sử dụng.

** Theo biên bản lấy lời khai của Toà án đối với bị đơn ông Trương Đình P1 thì ông P1 trình bày:*

Cha ông Trương Đình P1 là ông Trương Đình B, sinh năm không rõ, mất năm 1997 và mẹ tôi là bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1923, mất năm 2001. Quá trình chung sống, cha mẹ ông có 03 người con gồm: Ông Trương Đình H2, sinh năm 1951, mất năm 2014; bà Trương Thị H, sinh năm 1955; ông Trương Đình P1, sinh năm 1958. Ngoài ra, cha mẹ ông không có con nuôi hay người con nào khác. Ông Trương Đình H2 có vợ là bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1961 và có 02 con chung với bà Yến Trương Diên T3, sinh năm 1986 và Trương Thị Minh T, sinh năm 1991. Trước có con chung với bà Nguyễn Thị G nhưng đã ly hôn sinh ra con Trương Diên H1, sinh năm 1979.

Sinh thời cha mẹ tôi tạo dựng được khối tài sản chung là ngôi nhà và đất có diện tích đất 101.3m^2 tại số K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng (cũ) theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3402041375 UND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/7/2000.

Cha tôi là ông Trương Đình B mất ngày 22/01/1997, mẹ tôi là bà Nguyễn Thị T2 mất ngày 10/9/2001 đều không để lại di chúc.

Sau khi mẹ ông mất thì ông là người quản lý di sản, trong thời gian quản lý di sản ông không cải tạo xây dựng gì thêm. Nay bà H yêu cầu chia hiện vật với diện tích như trên thì ông P1 không đồng ý vì di sản thừa kế đang ở có diện tích 101.3m2 là nhà dùng thợ phùng ông bà, có kết cấu kiên cố nên khi Toà án chia di sản thừa kế thì ông P1 có nguyện vọng được nhận nhà và thối trả tiền cho các thừa kế khác theo quy định pháp luật và đề nghị trước khi Toà án chia di sản thì trích cho ông một phần công sức quản lý di sản trong thời gian ông sinh sống, chăm sóc cha mẹ và anh trai Trương Diên H4. Ông đồng ý giá trị di sản thừa kế theo kết quả thẩm định giá là: 3.275.963.416 đồng.

** Theo đơn trình bày, tại các phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, người liên quan, bà Nguyễn Thị Y, ông Trương Diên H1, ông Trương Diện T4 và bà Trương Thị Minh T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Y, ông Trương Diên H1, ông Trương Diện T4 và bà Trương Thị Minh T đều thống nhất với phần trình bày nêu trên của nguyên đơn, bị đơn về nội dung hàng thừa kế, di sản thừa kế. Đề nghị Toà án chia di sản thừa kế của ông Trương Đình B, bà Nguyễn Thị T2 để lại là ngôi nhà và đất có diện tích đất 101.3m^2 tại số K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng (cũ) theo quy định của pháp luật. Trong đó, bà Y, ông T4 và bà T đề nghị Toà án trước khi chia di sản thừa kế phải trích cho ông Trương Đình P1 25% giá trị di sản cho ông P1 vì ông là người thờ cúng ông bà tổ tiên, sinh sống ổn định và có công quản lý bảo tồn di sản. Ông Trương Diên H1 không có ý kiến gì về phần trích công sức bảo quản di sản cho ông P1 và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Y, ông H1, ông T4 và bà T đồng ý giá trị di sản thừa kế theo kết quả thẩm định giá là: 3.275.963.416 đồng.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thu T1 không có ý kiến gửi cho Toà án.*

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Đà Nẵng phát biểu quan điểm xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đầy đủ thủ tục trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật dân sự.

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 674, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Khoản 5 Điều 26; Điểm a khoản Điều 35, Điểm b, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, cần đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chia thừa kế theo giá trị của di sản thừa kế:

Viện kiểm sát xét thấy ông Trương Đình P1 chăm sóc cha mẹ và ông Trương Đình H2 lúc ốm đau và hiện nay ông P1 cũng đang thờ cúng ông bà tổ tiên của gia đình nên đề nghị chia 25% của giá trị di sản tương đương số tiền 818.990.854 đồng cho ông P1 trước khi chia theo di sản thừa kế cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Chia di sản thừa kế của ông Trương Đình B và bà Nguyễn Thị T2 theo pháp luật, mỗi người được nhận kỷ phần thừa kế như sau:

+ Bà Trương Thị H được hưởng 818.990.854 đồng.

+ Ông Trương Đình P1 được hưởng 818.990.854 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Y được hưởng: 204.747.713,5 đồng.

+ Ông Trương Diên H1 được hưởng: 204.747.713,5 đồng.

+ Ông Trương Diên T3 được hưởng: 204.747.713,5 đồng.

+ Bà Trương Thị Minh T được hưởng: 204.747.713,5 đồng.

- Giao nhà đất tại K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng (N là phường T, thành phố Đà Nẵng) cho ông P1. Ông P1 có trách nhiệm thối trả cho các đồng thừa kế số tiền tương ứng nêu trên, cụ thể:

- Thối trả cho bà Trương Thị H 818.990.854 đồng.

- Thối trả cho bà Nguyễn Thị Y 204.747.713,5 đồng.

- Thối trả cho ông Trương Diên H1 204.747.713,5 đồng.

- Thối trả cho Trương Diên T3 204.747.713,5 đồng.

- Thối trả cho bà Trương Thị Minh T 204.747.713,5 đồng.

* Án phí DSST: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn là bà Trương Thị H với bị đơn là ông Trương Đình P1 là tranh chấp chia di sản thừa kế. Bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn quận T (nay là phường T) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, Đà Nẵng theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trương Đình P1; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Thu T1, bà Nguyễn Thị Y, ông Trương Diên H1, ông Trương Diên T3 và bà Trương Thị Minh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt họ.

[3] Về nội dung:

Cụ Trương Đình B (chết năm 1997) và cụ Nguyễn Thị T2 (chết năm 2001) là vợ chồng. Hai cụ có 03 người con gồm: Ông Trương Đình H2, sinh năm 1951 (mất năm 2014); bà Trương Thị H, sinh năm 1955, ông Trương Đình P1 (sinh năm 1958). Ngoài ra, ông B và bà T2 không có người con nào khác. Ông Trương Đình H2, sinh năm 1951 (mất năm 2014), có vợ là bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1961 và có 02 con chung với bà Yến Trương Diên T3, sinh năm 1986 và Trương Thị Minh T, sinh năm 1991. Trước có con chung với bà Nguyễn Thị G nhưng đã ly hôn và có 01 con Trương Diên H1, sinh năm 1979. Ngoài ra ông H2 không có người con nào khác. Cha mẹ ông B, bà T2 đã chết trước khi ông bà chết. Cụ Trương Đình B và cụ Nguyễn Thị T2 chết không để lại di chúc.

Trước khi mất, ông B và bà T2 có để lại di sản là: 01 thửa đất số 251, tờ bản đồ số 8 có diện tích 101.3m^2 tại địa chỉ K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng (N là phường T, thành phố Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402041375 do Uỷ ban nhân dân tỉnh (thành phố) Đà Nẵng cấp ngày 24/7/2000 cho bà Nguyễn Thị T2 và Trương Đình B1 (chết). Trên diện tích đất có 01 ngôi nhà 01 tầng + gác lửng gỗ, diện tích xây dựng 101.3m^2, kết cấu móng đá, trụ gạch, tường xây gạch trả vữa sơn màu, nền lót gạch hoa và gạch men, mái lợp tôn, xà gỗ và sắt, trần đóng la phông nhựa và trần đúc. Hiện nay, di sản thừa kế do ông Trương Đình P1 và vợ là Phạm Thị Thu T1 đang quản lý, sử dụng. Ông P1 có con là ông Trương Diên L hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ A, phường A, thành phố Đà Nẵng là đối tượng có thời gian đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma tuý - Công an thành phố Đ (Từ tháng 05/2024 – tháng 06/2025), nay thỉnh thoảng có về nhà ông P1 chơi nhưng không sinh sống thường xuyên.

Tại đơn khởi kiện, bà Trương Thị H yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế do Trương Đình B và bà Nguyễn Thị T2 để lại theo quy định của pháp luật và chia theo

hiện vật, mỗi thừa kế được hưởng: 101.3 m^2/3phần = 33.76 m^2. Tuy nhiên, tại phiên toà bà H yêu cầu Toà án chia thừa kế theo giá trị di sản thừa kế và giao di sản thừa kế là nhà đất tại thửa đất số 251, tờ bản đồ số 8, địa chỉ K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng (N là phường T, thành phố Đà Nẵng) cho ông Trương Đình P1 có quyền sở hữu và ông P1 có nghĩa vụ thối trả cho những người được hưởng thừa kế khác theo quy định của pháp luật. Bà H không đồng ý trích 25% giá trị di sản cho ông P1 trước khi chia di sản như ý kiến của bà Nguyễn Thị Y, ông Trương Diện T4, bà Trương Thị Minh T. Ông Trương Đình P1, ông Trương Diên H1 không có ý kiến về tỷ lệ trích công sức bảo quản di sản cho ông P1 và đề nghị Toà án giải quyết chia di sản theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng, cụ Trương Đình B, cụ Nguyễn Thị T2 chết không để lại di chúc nên việc nguyên đơn bà Trương Thị H yêu cầu chia di sản của hai cụ để lại theo pháp luật là có cơ sở theo quy định tại điều 649 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ B, cụ T2 gồm: Ông Trương Đình H2, bà Trương Thị H, ông Trương Đình P1. Năm 2014, ông Trương Đình H2 chết không để lại di chúc nên phần di sản của ông H2 được hưởng được chia cho những người thuộc hàng thừa kế nhứ nhất của ông H2 gồm vợ là bà Nguyễn Thị Y cùng 03 người con là ông Trương Diên T3, Trương Diên H4, Trương Thị Minh T. Như vậy, những người được hưởng di sản thừa kế cụ ông B, cụ T2 để lại gồm: Bà Trương Thị H, ông Trương Đình P1, bà Nguyễn Thị Y, ông Trương Diên H1, ông Trương Diên T3 và bà Trương Thị Minh T.

Theo Chứng thư Thẩm định giá của Công ty TNHH Thẩm định giá thì giá trị tài sản nhà và đất là K172/10 đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng (N là phường T, thành phố Đà Nẵng) được định giá là 3.275.963.416 đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 3.143.421.154 đồng và giá trị tài sản trên đất là 132.542.262đồng. Các bên đương sự không có ý kiến gì về kết quả thẩm định giá và cũng không có yêu cầu thẩm định giá lại. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ kết quả thẩm định giá nêu trên để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà, hàng thừa kế của cụ B, cụ T2 thống nhất giao quyền sở hữu di sản thừa kế và thối trả lại cho các thừa kế khác theo quy định pháp luật. Xét thấy đây là sự tự định đoạt của đương sự không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra các bên đương sự đều thừa nhận ông Trương Đình P1 sống với cha mẹ từ khi sinh ra (1958) cho đến nay, quá trình sinh sống tuy ông P1 không xây dựng, cơi nới gì làm tăng giá trị di sản thừa kế nhưng ông P1 là người sinh sống ổn định cùng vợ là Phạm Thị Thu T1, chăm sóc cha mẹ và ông Trương Đình H2 lúc ốm đau và hiện nay ông P1 cũng đang thờ cúng ông bà tổ tiên của gia đình, trong đó ông đang thờ cụ B, cụ T2 và ông H2. Qua xác minh tại địa phương được biết: Tại nhà và đất là K172/10 đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng (N là phường T, thành phố Đà Nẵng) chỉ có 02 nhân khẩu là ông Trương Đình P1 và Phạm Thị Thu T1 đang sinh sống ổn định. Do đó, trước khi chia di sản thừa

kế theo quy định thì Hội đồng xét xử xét thấy cần phải trích một phần công sức cho ông P1 đã có công quản lý, duy trì di sản mấy chục năm là 20% của giá trị di sản tương đương số tiền 655.192.683 đồng, giá trị còn lại là 3.275.963.416 đồng - 655.192.683 đồng = 2.620.770.733 đồng sẽ được chia như sau:

+ Bà Trương Thị H được hưởng 873.590.244 đồng.

+ Ông Trương Đình P1 được hưởng 873.590.244 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Y được hưởng: 218.397.561 đồng.

+ Ông Trương Diên H1 được hưởng: 218.397.561 đồng.

+ Ông Trương Diên T3 được hưởng: 218.397.561 đồng.

+ Bà Trương Thị Minh T được hưởng: 218.397.561 đồng.

Ông P1 có nguyện vọng nhận nhà, đất và thối trả lại tiền cho các thừa kế còn lại, những người được hưởng di sản không ai có ý kiến phản đối gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử giao cho ông Trương Đình P1 được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng (N là phường T, thành phố Đà Nẵng), diện tích đất 101.3m^2, thửa đất số 251, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402041375 do Uỷ ban nhân dân tỉnh (thành phố) Đà Nẵng cấp ngày 24/7/2000 cho bà Nguyễn Thị T2 và Trương Đình B (chết). Đồng thời, ông Trương Đình P1 có nghĩa vụ thối trả phần giá trị tương ứng cho bà Trương Thị H và những người thừa kế của ông Trương Đình H2 theo giá trị được xác định tương ứng như sau:

- Thối trả cho bà Trương Thị H 873.590.244 đồng.

- Thối trả cho bà Nguyễn Thị Y 218.397.561 đồng.

- Thối trả cho ông Trương Diên H1 218.397.561 đồng.

+ Thối trả cho Trương Diên T3 218.397.561 đồng.

+ Thối trả cho bà Trương Thị Minh T 218.397.561 đồng.

[3] Từ những nội dung phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa về việc đề nghị trích 25% giá trị di sản cho ông Trương Đình P1 trước khi chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật. Các đề nghị khác của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở pháp luật và phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Người được hưởng di sản phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản được hưởng. Tuy nhiên bà Trương Thị H, ông Trương Đình P1, bà Nguyễn Thị Y (trên 60 tuổi) và có đơn đề nghị được miễn án phí dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử

căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 14 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí dân sự cho các đương sự này.

- Ông Trương Diên H1 phải chịu án phí trên giá trị tiền được hưởng là 10.919.878 đồng.

- Ông Trương Diên T3 phải chịu án phí trên giá trị tiền được hưởng là 10.919.878 đồng.

- Bà Trương Thị Minh T phải chịu án phí trên giá trị tiền được hưởng là 10.919.878 đồng.

- Chi phí tố tụng (Xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản, đo đạc) là 35.375.105 đồng, các hàng thừa kế phải chịu số tiền tương ứng với mỗi kỷ phần nhận được, cụ thể: Ông Trương Đình P1 phải chịu là 16.508.382 đồng , bà Trương Thị H phải chịu là 9.433.361 đồng, bà Nguyễn Thị Y, ông Trương Diên T3, ông Trương Diên H1 và bà Trương Thị Minh T mỗi người phải chịu là 2.358.340 đồng. Trong đó bà H đã tạm ứng số tiền 35.375.105 đồng (Đã thu và chi xong). Do đó, ông P1, bà Y, ông H1, ông T3 và bà T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà H số tiền theo tỷ lệ mà ông bà được hưởng nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 674, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Khoản 5 Điều 26; Điểm a khoản Điều 35, Điểm b, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp chia di sản thừa kế*" của bà Trương Thị H đối với ông Trương Đình P1.

2. Xác định di sản thừa kế theo pháp luật của ông Trương Đình B, bà Nguyễn Thị T2 để lại nhà, đất có diện tích là 101.3m^2 tại thửa đất số số 251, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402041375 do Uỷ ban nhân dân tỉnh (thành phố) Đà Nẵng cấp ngày 24/7/2000 cho bà Nguyễn Thị T2 và Trương Đình B (chết).

3. Xác định những người được hưởng di sản theo di chúc của ông Trương Đình B, bà Nguyễn Thị T2 gồm bà Trương Thị H, Trương Đình P1 và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trường Đình H5 gồm bà Nguyễn Thị Y, ông Trương Diên T3, Trương Diên H4, Trương Thị Minh Thảo X.:

- Giao cho ông Trương Đình P1 được quyền sử dụng nhà đất có diện tích là 101.3m^2 tại thửa đất số số 251, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402041375 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 24/7/2000 cho bà Nguyễn Thị T2 và Trương Đình B (chết).

- Buộc ông Trương Đình P1 phải có nghĩa vụ thối trả cho bà Trương Thị H số tiền 873.590.244 đồng.

- Buộc ông Trương Đình P1 phải có nghĩa vụ thối trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 218.397.561 đồng.

- Buộc ông Trương Đình P1 phải có nghĩa vụ thối trả cho ông Trương Diên H1 số tiền 218.397.561 đồng.

- Buộc ông Trương Đình P1 phải có nghĩa vụ thối trả cho ông Trương Diên T3 số tiền 218.397.561 đồng.

- Buộc ông Trương Đình P1 phải có nghĩa vụ thối trả cho bà Trương Thị Minh T số tiền 218.397.561 đồng.

Sau khi hoàn thành nghĩa vụ giao tiền thì ông Trương Đình P1 có trách nhiệm liên hệ các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục đứng tên đối với tài sản tại thửa đất số số 251, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402041375 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 24/7/2000.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng thời gian và số tiền chậm thi hành án.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Diên T3 phải chịu là 10.919.878 đồng.

- Ông Trương Diện H3 phải chịu là 10.919.878 đồng.

- Bà Trương Thị Minh T phải chịu là 10.919.878 đồng.

6. Chi phí tố tụng (Xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản theo giá thị trường, đo đạc) là 35.375.105 đồng.

- Buộc ông Trương Đình P1 phải trả cho bà Trương Thị H số tiền 16.508.382 đồng.

- Buộc Nguyễn Thị Y, ông Trương Diên T3, ông Trương Diên H1 và bà Trương Thị Minh T mỗi người phải trả cho bà Trương Thị H số tiền là 2.358.340 đồng.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu câù thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Hồng Thuỷ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 3
- Phòng thi hành án khu vực 3;
- Lưu hồ sơ.